TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ HƯƠNG THỦY** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2023/HS-ST
Ngày: 31 - 8 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HƯƠNG THỦY, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Quý Vân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Võ Trọng Thơi.

2. Ông Nguyễn Hữu Thành.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Hiệp - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hương Thủy tham gia phiên tòa: Ông Trần Vũ Duy Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 60/2023/TLST-HS ngày 04 tháng 8 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 97/2023/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 8 năm 2023, đối với bị cáo:

Họ và tên: Trần Thị V, sinh ngày 23 tháng 8 năm 2002 tại tỉnh Thừa Thiên Huế. Địa chỉ: Thôn V, xã P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần M và bà Bùi Thị M1; chồng: Chưa có; có 01 người con; tiền án: Có 01 tiền án (Bản án số: 17/2023/HS-ST ngày 15/3/2023, của TAND thị xã Hương Thuỷ xử phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, về tội "Trộm cắp tài sản"); tiền sự: không. Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 30/5/2023, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh T. Bị cáo có mặt.

- *Bị hại:* Anh Phạm Văn M2, sinh năm 1962. Địa chỉ: Số C đường N, phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Quang V1, sinh năm 1966. Địa chỉ: Thôn T, xã T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

- *Người làm chứng*:

1. Anh Trần Thế T, sinh năm 1981. Địa chỉ: Tổ G, phường P, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt

2. Anh Phan Quang M3, sinh năm 1971. Địa chỉ: Tổ D, phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

3. Anh Giáp Thanh Đ, sinh năm 1986. Địa chỉ: Số B đường N, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt

4. Bà Bùi Thị M1, sinh năm 1979. Địa chỉ: Thôn V, xã P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt

5. Chị Nguyễn Thị T1, sinh năm 1999. Địa chỉ: Thôn V, xã T, thị xã H, tỉnh

Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

6. Chị Huỳnh Thị Ngọc D, sinh năm 1995. Địa chỉ: Thôn B, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bản Cáo trạng số: 63/CT-VKS-Hth, ngày 03 tháng 8 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế đã truy tố bị cáo Trần Thị V về hành vi phạm tội:

Do cần xe mô tô để làm phương tiện đi lại nên ngày 21/3/2023, Trần Thị V liên hệ và gặp anh Phạm Văn M2, để hỏi thuê xe; anh M2 đồng ý cho V thuê xe mô tô nhãn hiện Honda Lead, màu xanh, BKS: 75K1- 322.93, trong thời hạn 10 ngày, với giá là 130.000 đồng/01 ngày (hợp đồng miệng). Sau khi nhận được xe mô tô, V sử dụng để làm phương tiện đi lại.

Đến ngày 25/3/2023, V nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô BKS: 75K1-322.93, của anh M2 để đưa đi cầm cố lấy tiền tiêu xài. Để cầm cố được xe mô tô, V nảy sinh ý định làm giả 01 biển kiểm soát xe mô tô theo giấy đăng ký xe mô tô mà trước đó V đã nhặt được (theo lời khai của V, trước đó V có nhặt được 01 giấy đăng ký xe mô tô BKS: 75G1 - 359.88, mang tên Nguyễn Quang V1, tại Khu công nghiệp P). Sau đó, V sử dụng điện thoại di động của mình (Iphone 6S Plus, màu bạc, có số thuê bao là 0867.287.290), và dùng tài khoản Facebook có tên: "Trần Thị V" để lên mạng tìm kiếm các trang mạng nhận làm biển số xe giả; V liên hệ được với một tài khoản Facebook, có tên: "Biển số xe H", và đặt mua 01 biển kiểm soát giả số: 75G1 - 359.88, với giá 250.000 đồng; V đưa số điện thoại của mình để liên lạc và địa chỉ để nhận biển kiểm soát (Vẽ cung cấp địa chỉ nhận biển kiểm soát là trước số nhà D T, phường T, thị xã H).

Đến khoảng 15 giờ, ngày 27/3/2023, qua liên lạc, V đến địa chỉ trên thì nhận được 01 biển kiểm soát xe giả: 75G1 - 359.88, từ một nhân viên chuyển phát nhanh (không xác định được tên, tuổi, địa chỉ).

Sau khi có được biển kiểm soát giả, V liền đưa xe mô tô BKS: 75K1- 322.93, đến tiệm sửa xe của anh Phan Quang M3, để thuê anh M3 tháo biển kiểm soát 75K1- 322.93 ra và lắp biển kiểm soát giả: 75G1 - 359.88 vào xe mô tô; Vẽ cất biển kiểm soát xe: 75K1 - 322.93 vào trong cốp xe.

Đến khoảng 16 giờ 30 ngày 27/3/2023, V mang xe mô tô đã lắp biển kiểm soát giả nói trên cùng giấy đăng ký xe mô tô BKS: 75G1 - 359.88 đã nhặt được, đến tiệm cầm đồ của anh Trần Thế T, để cầm cố xe. Tại đây, V nói dối với anh T là xe của bố V, có đầy đủ giấy tờ và xin cầm xe với số tiền là 15.000.000 đồng; anh T kiểm tra xe thì phát hiện số khung, số máy của xe mô tô không trùng với giấy đăng ký xe nên đã trình báo Cơ quan Công an đến làm việc.

Tại Cơ quan điều tra, V đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình nói trên.

Về vật chứng: Cơ quan điều tra đã thu giữ gồm: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Lead, màu xanh, gắn BKS: 75G1 - 359.88, cùng chìa khoá xe; 01 BKS: 75K1 - 322.93; 01 giấy đăng ký xe mô tô BKS: 75G1 - 359.88, mang tên Nguyễn Quang V1; 01 giấy đăng ký xe mô tô BKS: 75K1 - 322.93, mang tên Huỳnh Thị Ngọc D;

01 giấy căn cước công dân số: 046302006758, mang tên Trần Thị V; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S Plus, màu bạc, có số imei: 353336074767717, gắn sim số điện thoại: 0867.287.290.

Đối với giấy đăng ký xe mô tô BKS: 75G1 - 359.88, mang tên Nguyễn Quang V1; Cơ quan điều tra đã xác minh giấy đăng ký xe này là của anh Nguyễn Quang V1, sinh năm 1966, trú tại thôn T, xã T, thị xã H; bị đánh rơi tại Khu công nghiệp P.

Hiện 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Lead, màu xanh, cùng chìa khoá xe; 01 BKS: 75K1- 322.93; 01 giấy đăng ký xe mô tô BKS: 75G1 - 359.88, mang tên Nguyễn Quang V1; 01 giấy đăng ký xe mô tô BKS: 75K1 - 322.93, mang tên Huỳnh Thị Ngọc D và 01 giấy căn cước công dân số: 046302006758, mang tên Trần Thị V; Cơ quan điều tra đã trả lại cho các chủ sở hữu.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 31 ngày 18/4/2024, của Hội đồng định giá UBND thị xã H, kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Lead, màu xanh, trị giá 21.245.000 đồng *(Hai mươi mốt triệu hai trăm bốn mươi lăm ngàn đồng)*.

Tại Bản kết luận giám định số: 204 ngày 12/5/2023 của Phòng K Công an tỉnh T, kết luận: Biển kiểm soát số: 75G1 - 359.88 cần giám định có đặc điểm chung và đặc điểm riêng biệt khác so với đặc điểm chung và đặc điểm riêng biệt của Biển kiểm soát số 75G1 - 482.53 gửi làm mẫu so sánh.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại về dân sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên bản Cáo trạng đối với bị cáo Trần Thị V; Đề nghị áp dụng điểm b khoản 1 Điều 175; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, đối với tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"; xử phạt bị cáo từ 01 (Một) năm đến 01(Một) năm 03 (Ba) tháng tù. Áp dụng khoản 1 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, đối với tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức". Xử phạt bị cáo từ 06 (Sáu) tháng đến 09 (Chín) tháng tù. Áp dụng khoản 5 Điều 65; Điều 55; Điều 56 Bộ luật Hình sự; Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án. Không xem xét về trách nhiệm dân sự; xử lý vật chứng và án phí theo quy định pháp luật.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo thừa nhận hành vi của mình là sai, vi phạm pháp luật, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện tài liệu chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo thì có đủ cơ sở để kết luận: Vào khoảng 16 giờ 30 ngày 27/3/2023, tại phường P, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế; Trần Thị V sau

khi thuê xe mô tô của anh Phạm Văn M2 dùng làm phương tiện đi lại thì đã nảy sinh chiếm đoạt chiếc xe. Bị cáo đã đặt mua một biển số xe giả lắp vào xe mô tô của anh M2, sau đó bị cáo đưa xe đến tiệm cầm đồ gặp anh Trần Thế T cầm cố để lấy tiền thì bị phát hiện bắt quả tang. Hành vi của bị cáo lợi dụng sự tin tưởng của người khác cho thuê xe, sau đó nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản, trị giá là 21.245.000 đồng *(Hai mươi mốt triệu hai trăm bốn mươi lăm ngàn đồng)* nên đã phạm vào tội *"Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"* theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự. Bị cáo còn có hành vi đặt mua biển số xe mô tô giả, có biển kiểm soát là 75G1 - 359.88, thay biển số xe của anh M2, để thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản, nên đã phạm vào tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức", quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hương Thủy truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật viện dẫn trên là chính xác, đúng quy định pháp luật.

[3] Xét về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy: Hành vi của bị cáo gây ra phạm vào khung hình phạt ít nghiêm trọng, xâm phạm đến tài sản của người khác, được Nhà nước bảo vệ, xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính, làm ảnh hưởng đến trật tự an ninh trong xã hội. Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện. Bị cáo tái phạm, phạm tội trong thời gian chấp hành hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo. Do đó, bị cáo phải chịu trách nhiệm trước pháp luật do hành vi của mình gây ra, cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhằm giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, xét cho bị cáo đã thành khẩn khai báo nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Do bị cáo Trần Thị V phạm tội mới trong thời gian thi hành Bản án số: 17/2023/HS-ST ngày 15/3/2023 của Tòa án nhân dân thị xã Hương Thủy, xử phạt bị cáo phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 15/3/2023 về tội "Trộm cắp tài sản" nên buộc bị cáo Trần Thị V phải chấp hành hình phạt tù giam của Bản án trên và tổng hợp hình phạt tù của Bản án này.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại đã nhận lại tài sản không yêu cầu bồi thường gì thêm, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, không yêu cầu bồi thường gì, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Lead, màu xanh, cùng chìa khoá xe; 01 BKS: 75K1- 322.93; 01 giấy đăng ký xe mô tô BKS: 75G1 - 359.88, mang tên Nguyễn Quang V1; 01 giấy đăng ký xe mô tô BKS: 75K1 - 322.93, mang tên Huỳnh Thị Ngọc D và 01 giấy căn cước công dân số: 046302006758, mang tên Trần Thị V; Cơ quan điều tra đã trả lại cho các chủ sở hữu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S Plus, màu bạc, có số imei: 353336074767717, gắn sim số điện thoại: 0867.287.290 của bị cáo Trần Thị V là công cụ phạm tội nên cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

[6] Về án phí: Buộc bị cáo Trần Thị V phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Ttuyên bố bị cáo Trần Thị V phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" và tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức".

2. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 175; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, đối với tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"; căn cứ khoản 1 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, đối với tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức".

Căn cứ khoản 5 Điều 65; Điều 55; Điều 56 Bộ luật Hình sự;

3. Xử phạt bị cáo Trần Thị V 01 (Một) năm tù về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản", 06 (S) tháng tù về tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức". Buộc bị cáo Trần Thị V phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 01 (Một) năm 06 (S) tháng tù. Tổng hợp hình phạt với Bản án số: 17/2023/HS-ST ngày 15/3/2023 của Tòa án nhân dân thị xã Hương Thủy, xử phạt bị cáo phạt 12 (Mười Hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 (Hai mươi bốn) tháng tính từ ngày tuyên án là ngày 15/3/2023, về tội "Trộm cắp tài sản". Buộc bị cáo Trần Thị V phải chấp hành hình phạt chung của hai Bản án là 02 (Hai) năm 06 (S) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù, tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam là ngày 30/5/2023.

4. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu. Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ Luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Tuyên xử:

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S Plus, màu bạc, có số imei: 353336074767717, gắn sim số điện thoại: 0867.287.290 của bị cáo Trần Thị V.

Hiện vật chứng trên đang được tạm giữ tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã H, theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 24/08/2023 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã H và Chi cục thi hành án dân sự thị xã Hương Thủy.

5. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Trần Thị V phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án sơ thẩm xét xử công khai báo cho bị cáo, có quyền kháng cáo bản án, trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án, người

có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án phần liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TT Huế;
- Sở Tư pháp tỉnh TTHuế;
- Phòng PV 06 CA tỉnh TT Huế;
- CQ ĐT thị xã Hương Thủy;
- VKSND thị xã Hương Thủy;
- CQ Thi hành án dân sự Hương Thủy;
- CQ Thi hành án hình sự Hương Thủy;
- Bị cáo;
- Bị hại; Người CQL&NVLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Quý Vân